

Bản án số:108/2019/DS-PT

Ngày: 02 – 7 – 2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huồn và ông Nguyễn Văn Bằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2018/TLPT-DS ngày 10/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25a/2019/QĐ-PT ngày 29/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐPT-DS ngày 20/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Z.

Địa chỉ: 02 L, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K– C/v: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Z.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Hiền T – C/v: Phó Giám đốc Ngân hàng Z – Chi nhánh T6 (nay là Ngân hàng Z – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk)

Địa chỉ: 37 Phan Bội C, phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Ứng Thị M

Địa chỉ: 79 Đinh Tiên H1, tổ dân phố 7, phường A, thị xã B2, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà M:

- Ông Vũ Trọng T2– Luật sư thuộc Văn Phòng luật sư H2, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 81/6 G, phường T3, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Ông Nguyễn Thành S – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Ngô Ngọc T4, Đoàn luật sư thành phố H – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Ứng C1 – Vắng mặt

3.2. Bà Lê Thị T5 – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Chị Đặng Thị Cẩm U – Có mặt

3.4. Chị Đặng Thúy V – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: 79 Đinh Tiên H1, tổ dân phố 7, phường A, thị xã B2, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Ứng Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Z, ông Dương Hiến T trình bày:*

Ngày 01/6/2012, bà Ứng Thị M ký kết hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012 vay Ngân hàng Z – Chi nhánh T6 Đắk Lắk nay là Ngân hàng Z – Chi nhánh B3 (viết tắt là A1 B3) số tiền 900.000.000 đồng, hạn trả ngày 01/6//2013, lãi suất trong hạn 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn: mua rẫy cà phê, trang trí nội thất, mua sắm vật dụng gia đình

Bảm bảo tiền vay theo các hợp đồng thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 230052/12TC ngày 30/5/2012 ký kết giữa bà Ứng Thị M và A1 B3.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 358288 do UBND huyện K1 cấp ngày 27/9/2004 cho hộ bà Ứng Thị M đối với thửa đất số 592, tờ bản đồ số 06, diện tích 161 m², địa chỉ thửa đất: Phường A, thị xã B2, tỉnh Đắk Lắk.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 230053/12TC ngày 30/4/2012 ký kết giữa bên thế chấp là ông Ứng C1, bà Lê Thị T5, bên vay vốn là bà Ứng Thị M, bên nhận thế chấp là A1 B3, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015943 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ứng C1, đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 5, diện tích 12.400 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015944 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ứng C1, đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.255 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015946 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ứng C1, đối với thửa đất số 23a, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.245 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình thanh toán bà Ứng Thị M chỉ trả nợ lãi 40.000.000 đồng, chưa trả khoản nợ gốc nào cho ngân hàng.

Hiện nay tổng số tiền bà Ứng Thị M còn nợ A1 B3 là 1.775.212.500 đồng, trong đó nợ gốc 900.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 29/10/2018 là 875.212.500 đồng.

Hiện khoản nợ này quá hạn đã lâu, mặc dù đại diện A1 B3 đã nhiều lần làm việc đôn đốc thu hồi nợ nhưng đến nay bà Ứng Thị M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Người vay đã vi phạm nội dung thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người cho vay, A1 B3 kính đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ tuyên buộc bà Ứng Thị M phải trả cho Ngân hàng Z số tiền nợ vay là 1.775.212.500 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 30/10/2018 đến khi trả hết nợ.

Nếu bà Ứng Thị M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, A1 B3 được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp đã ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 230052/12TC ngày 30/5/2012 và hợp đồng thế chấp số 230053/12TC ngày 30/4/2012 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa bị đơn bà Ứng Thị M, người đại diện theo ủy quyền của bà Ứng Thị M trình bày:* Bà Ứng Thị M không ký hợp đồng tín dụng để vay vốn Ngân hàng và cũng không nhận được số tiền 900.000.000 đồng, các thủ tục vay vốn đều do dịch vụ làm và bà M cũng không ký xác nhận, do tài sản của bà M đang ở trong Ngân hàng nên bà M cũng đã có thiện chí trả nợ nhưng Ngân hàng không tạo điều kiện. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ứng C1, bà Lê Thị T5, chị Đặng Thị Cẩm U và chị Đặng Thúy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Z. Buộc bà Ứng Thị M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Z tổng số tiền nợ là 1.775.212.500 đồng, trong đó nợ gốc số tiền 900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn số tiền 653.700.000 đồng, nợ lãi quá hạn 221.512.500 đồng (*Lãi suất tạm tính đến ngày 29/10/2018*). Từ ngày 30/10/2018 tiếp tục tính lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

- Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn Thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu Thi hành án.

- Trong trường hợp bà Ung Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Z được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý phần tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 358288 do UBND huyện K1 cấp ngày 27/9/2004 cho hộ bà Ung Thị M đối với thửa đất số 592, tờ bản đồ số 06, diện tích 161 m², địa chỉ thửa đất: Phường A, thị xã B2, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015943 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ung C1, đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 5, diện tích 12.400 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015944 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ung C1, đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.255 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015946 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ung C1, đối với thửa đất số 23a, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.245 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/11/2018 bị đơn là bà Ung Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án và cho rằng bà không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ Ngân hàng Z – Chi nhánh T6 và bà cũng không ký bất kỳ chứng từ, giấy tờ gì về việc vay vốn từ Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Bà Ung Thị M vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn Luật sư Vũ Trọng T2 trình bày: Sau khi phân tích, lập luận Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đó là không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 04 người con của ông Ung C1, bà Lê Thị T5 vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay bà M không tin tưởng kết quả giám định vì dấu giáp lai của Hợp đồng tín dụng Ngân hàng cung cấp để giám định là không giống với dấu giáp lai tại Hợp đồng tín dụng trước đó mà Ngân hàng đã cung cấp ở Tòa án cấp sơ thẩm. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ điều tra xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thanh S trình bày quan điểm: Đồng ý với quan điểm bảo vệ của Luật sư T2 đã trình bày. Ngoài ra Luật sư S cho rằng hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng tín dụng ghi không phù hợp về thời gian và có sự mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy để điều tra giải quyết lại, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

Bị đơn bà Ứng Thị M có ý kiến: Đồng ý với quan điểm bảo vệ của hai Luật sư, đồng thời bà bổ sung thêm là phụ lục hợp đồng theo kết quả giám định là không phải chữ ký của bà nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đề bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện cho nguyên đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đáng giá các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ứng Thị M cho rằng bà M không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh T6 (nay là Ngân hàng Z – Chi nhánh B3) là không có cơ sở. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của Bị đơn bà Ứng Thị M được nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Đối với đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ứng C1, bà Lê Thị T5, chị Đặng Thúy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Ngày 01/6/2012, bà Ứng Thị M ký kết hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012 vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh T6 (nay là Ngân hàng Z – Chi nhánh B3) (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng) số tiền 900.000.000 đồng, hạn trả ngày 01/6/2013, lãi suất trong hạn 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn: Mua rẫy cà phê, trang trí nội thất, mua sắm vật dụng gia đình. Để đảm bảo cho khoản vay bà Ứng Thị M đã ký 02 Hợp đồng thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 230052/12TC ngày 30/5/2012 ký kết giữa bà Ứng Thị M và A1 B3 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 230053/12TC ngày 30/4/2012 ký kết giữa bên thế chấp là ông Ứng C1, bà Lê Thị T5, bên vay vốn là bà Ứng Thị M, bên nhận thế chấp là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh T6 (Hai hợp đồng thế chấp đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ vào ngày 31/5/2012). Trong thời gian vay bà Ứng Thị M mới trả được số tiền lãi 40.000.000 đồng, còn tiền gốc cho đến nay bà chưa trả được cho Ngân hàng. Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Ứng Thị M, thì thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/3/2019, bà Ứng Thị M nghi ngờ có sự giả mạo về chữ ký và chữ viết của mình, nên đã yêu cầu Tòa án xem xét trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết Ứng Thị M trong Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012 ngày 01/6/2016 và phụ lục hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng, xét yêu cầu giám định của bà M là có cơ sở cho việc giải quyết vụ án và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa được, nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thực hiện yêu cầu của bà M. Đồng thời, ngày 24/4/2019 đại diện nguyên đơn ông Dương Hiền T cũng có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết Ứng Thị M trong một số tài liệu, chứng cứ mà trước đó bà M có yêu cầu, nhưng sau đó bà lại không yêu cầu nữa. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của các đương sự và trong thời gian chờ kết quả giám định của Cơ quan chuyên môn, thì thời gian tạm ngừng phiên tòa đã hết, nên Tòa án cấp phúc thẩm ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giám định. Sau khi có kết quả giám định Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại kết quả giám định số 27/PC09 ngày 16/4/2019 và số 45/PC09 ngày 19/5/2019 của phòng kỹ thuật công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký và chữ viết Ứng Thị Mẫn trong: **Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012** đề ngày 01/6/2012; **Hợp đồng thế chấp số 230052/12TC** đề ngày 30/5/2012; **Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 230053/12TC** đề ngày 30/4/2012; **Chứng từ giao dịch ngày 01/6/2012 số hóa đơn 06010043000008** và **bảng kê các loại tiền ngân hàng chi ra đề ngày 01/6/2012** với **giấy ủy quyền** đề ngày 27/10/2016 người ủy quyền là Ứng Thị M; **biên bản lấy mẫu chữ ký** ngày 28/3/2019 của Ứng Thị M là **do cùng một ký và viết ra**.

Tại kết luận giám định số 27/PC09 ngày 16/4/2019 kết luận chữ ký Ứng Thị M trong phụ lục hợp đồng so với chữ ký trong **giấy ủy quyền** đề ngày 27/10/2016 người ủy quyền là Ứng Thị M; **biên bản lấy mẫu chữ ký** ngày 28/3/2019 của Ứng Thị M không phải do một người cùng ký ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận ký kết ngay tại thời điểm ban đầu là cơ sở để xác lập giao dịch dân sự về việc vay tiền giữa bà Ứng Thị M với Ngân hàng, trong nội dung hợp đồng đã thể hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ mà các bên phải thực hiện. Tại thời điểm ký kết hợp đồng bà M là người đầy đủ năng lực hành vi, khi thực hiện giao dịch các bên đều tự nguyện, không có sự ép buộc. Song song với hợp đồng tín dụng thì các bên còn ký kết 02 hợp đồng thế chấp tài sản để nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả khoản tiền vay đối với hợp đồng tín dụng khi đến hạn trả nợ mà bên vay không thực hiện nghĩa vụ, ngoài ra nguyên đơn còn cung cấp các hóa đơn, chứng từ thể hiện việc Ngân hàng đã chi tiền và bà M đã nhận khoản tiền vay tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tất cả các chứng cứ, tài liệu này đã được Cơ quan giám định xác định chữ ký và chữ viết Ứng Thị M là cùng một người ký và viết ra. Vì vậy việc bà M cho rằng bà không ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp để vay vốn Ngân hàng và cũng không nhận được số tiền 900.000.000đồng từ Ngân hàng, là không có căn cứ để chấp nhận.

Trong tất cả các tài liệu gửi giám định, thì riêng đối với tài liệu là phụ lục hợp đồng được Cơ quan chuyên môn kết luận là không phải là chữ ký của bà Ứng Thị

M. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 408 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “*kèm theo hợp đồng có thể có phụ lục hợp đồng để quy định chi tiết một số điều khoản của hợp đồng. Phụ lục của hợp đồng có hiệu lực như hợp đồng. Nội dung của phụ lục hợp đồng không được trái với nội dung của hợp đồng*”. Đối chiếu với quy định trên thì tại phụ lục hợp đồng này thể hiện nội dung khoản tiền vay và lãi suất phù hợp với nội dung của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, ngoài ra phụ lục hợp đồng còn thể hiện việc bà M đã trả được khoản tiền 40.000.000đồng. Vì vậy mặc dù chữ ký trong phụ lục hợp đồng được giám định không phải chữ ký của bà M, nhưng nội dung trong phụ lục hợp đồng không khác với nội dung của Hợp đồng tín dụng và không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên, nên không đủ căn cứ để hủy hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bà Ứng Thị M với Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M không đồng ý với kết quả giám định và tiếp tục yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục ngừng phiên tòa để giám định cấp cao hơn, đồng thời người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn cũng cho rằng hợp đồng thế chấp tài sản đối với người thứ ba để bảo đảm cho khoản nợ vay của bà M đã được ký kết là vi phạm vì trong hộ khẩu gia đình hộ ông Ứng C1 thì ngoài bà Lê Thị T5 là vợ ông ra còn có những người con đã thành niên nhưng không ký vào hợp đồng tại thời điểm thế chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà M đã yêu cầu giám định tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/3/2019 và Hội đồng xét xử đã chấp nhận, đến nay bà tiếp tục yêu cầu cấp cao hơn nhưng không có căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của bà là có cơ sở, nên yêu cầu không được chấp nhận. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản đối với người thứ ba mà người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn đưa ra, thì không thuộc phạm vi mà nguyên đơn khởi kiện, đồng thời cũng không thuộc phạm vi kháng cáo của bị đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết trong vụ án này.

Hội đồng nhận thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều luật cũng như xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đồng thời áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án là không đúng, mà quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên cần phải áp dụng cả Bộ luật dân sự và Luật tổ chức tín dụng thì mới đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc sai sót này không làm ảnh hưởng đến bản chất nội dung của vụ án. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm cần phải sửa lại phần áp dụng pháp luật cho phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ứng Thị M, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên nội dung quyết định bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là phù hợp.

[4] Chi phí giám định: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Bà Ứng Thị M không được chấp nhận, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Ứng Thị M phải chịu toàn bộ chi phí giám định.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Ứng Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 342, 343, 351, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ Luật tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ứng Thị M – Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Z. Buộc bà Ứng Thị M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Z tổng số tiền nợ là 1.775.212.500 đồng, trong đó nợ gốc số tiền 900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 653.700.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 221.512.500 đồng.

Buộc bà Ứng Thị M tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả, kể từ ngày 30/10/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012 ngày 01/6/2012 cho đến khi bà M thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Ứng Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Z được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật đối với 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 230052/12TC ngày 30/5/2012 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 230053/12TC ngày 30/4/2012, bao gồm các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 358288 do UBND huyện K1 cấp ngày 27/9/2004 cho hộ bà Ứng Thị M đối với thửa đất số 592, tờ bản đồ số 06, diện tích 161 m², địa chỉ thửa đất: Phường A, thị xã B2, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015943 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ứng C1, đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 5, diện tích 12.400 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015944 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ứng C1, đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.255 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015946 do UBND huyện K1 cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ứng C1, đối với thửa đất số 23a, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.245 m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về chi phí giám định: Căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Ứng Thị M phải chịu 10.800.000 đồng chi phí giám định chữ ký. Được khấu trừ số tiền tạm ứng bà M đã nộp 5.040.000đ. Bà M còn phải nộp tiếp số tiền 5.760.000đ.

Ngân hàng Ngân hàng Z được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định 5.760.000đ khi thu được của bà M.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Ứng Thị M phải chịu 65.256.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn: Ngân hàng Z không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Z số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.455.000 đồng theo biên lai thu số AA/2014/0039787 ngày 19/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B2.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Bà Ứng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng đã nộp, theo biên lai số: AA/2017/0005493 ngày 13/11/2018, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B2, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA thị xã B2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh